

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Nguyễn Xuân Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình và điểm cầu thành phần Trụ sở Công an huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1985 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn H Trung, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phan Văn T và bà Trần Thị S; có vợ là chị Tống Thị N và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 359/2008/HSST ngày 12/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt Phan Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/6/2009, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/12/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 25/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình (Có mặt tại điểm cầu thành phần).

- Người chứng kiến:

1. Anh Vũ Quang C, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

2. Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Số nhà x, ngõ x, tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 18/12/2023, tại trục đường 10 thuộc tổ M, thị trấn V, huyện V, tổ công tác Công an huyện V kiểm tra người Phan Văn T, phát hiện và thu giữ tại túi áo khoác bên trái phía trước T mặc 01 túi nilon trong suốt có khoá kếp viền màu vàng, bên trong chứa 03 viên nén màu vàng; 01 túi nilon trong suốt có khoá kếp viền màu xanh, bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng, T khai nhận đó là ma túy tổng hợp (Methamphetamine và Ketamine), T vừa mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong 02 túi này trong phong bì; kiểm tra xe mô tô biển số 29P6-6845 do T điều khiển nhưng không phát hiện, thu giữ gì khác.

Về nguồn gốc số ma túy bị quản lý, T khai mua của một nam thanh niên không quen biết tại khu vực cầu P, thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình với giá 2.000.000 đồng vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 18/12/2023. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu 02 túi ma túy vừa mua được vào áo khoác bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về. Đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, khi T về tới trục đường 10 thuộc tổ M, thị trấn V, huyện V thì bị bắt quả tang, quản lý toàn bộ số ma túy và chiếc xe mô tô do T điều khiển.

Bản kết luận giám định số 1824/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu vật trong phong bì gửi giám định M1 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,2042 gam (Một phẩy hai nghìn không trăm bốn mươi hai gam). *Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ*. Mẫu vật trong phong bì gửi giám định M2 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,8141 gam (Không phẩy tám nghìn một trăm bốn mươi một gam).

Ketamine STT: 40 Danh mục III phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Cáo trạng số: 24/CT-VKSVT ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố Phan Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với Phan Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; đề nghị xử phạt Phan Văn T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2023. Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn T 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy quản lý của bị cáo hoàn lại sau giám định trong 02 phong bì niêm phong số 1824/KL - KTHS. Đối với chiếc xe mô tô biển số 29P6 - 6845 quản lý của bị cáo, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V đang tiếp tục xác minh, điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý sau nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận giám định số 1824/KL - KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của những chứng kiến là anh Vũ Quang C và ông Trần Ngọc D.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trục đường 10 thuộc tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình Phan Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 01 túi ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,2042 gam và 01 túi ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,8141 gam tại túi áo khoác bên trái phía trước T đang mặc, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi có ý trực tiếp. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Phan Văn T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Ma túy gây ra những tác hại khôn lường cho sức khỏe, trí tuệ người sử dụng, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS, là yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế xã hội và trật tự, an toàn xã hội.

Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, biết rõ việc Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng do nghiện ma túy nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Phan Văn T có nhân xấu. Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2008, T đã bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định kết án 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng

răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với số ma túy quản lý của bị cáo, loại Methamphetamine, giám định hoàn lại còn lại khối lượng 0,6531 gam và số ma túy loại Ketamine, giám định hoàn lại còn lại khối lượng 0,7372 gam niêm phong trong phong bì 1824/KL - KTHS ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật chứng của vụ án, thuộc loại Nhà nước độc quyền quản lý và cấm tàng trữ nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu để tiêu hủy.

[6.2] Đối với xe mô tô dán nhãn SYM Angel 100, sơn xe màu xám, biển kiểm soát 29P6 - 6845 quản lý của T, tài liệu xác minh xác định đăng ký xe mang tên chị Đinh Thị T, địa chỉ: số 12 khu D, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã uỷ thác Cơ quan điều tra Công an huyện S, thành phố Hà Nội điều tra, chị Đinh Thị T, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú tại tổ x, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội trình bày: năm 2003, chị mua xe mô tô trên và đăng ký xe mang tên chị T, sau đó chị bán xe mô tô cho một người nữ giới, chị không nhớ tên, địa chỉ. Năm 2020, T mua lại chiếc xe mô tô nói trên tại chợ xe máy cũ ở tỉnh Nam Định với giá 3.000.000 đồng làm phương tiện đi lại, khi mua không viết giấy tờ mua bán, hiện đã thất lạc đăng ký xe cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V đang tiếp tục xác minh, điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý sau nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Những vấn đề khác trong vụ án: Về người thanh niên đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo khai không quen biết, không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 19/12/2023).

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định còn 0,6531 (*không thấy sáu nghìn năm trăm ba mươi mốt*) gam ma túy, loại Methamphetamine và 0,7372 (*không thấy bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai*) gam ma túy, loại Ketamine được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 1824/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(*Vật chứng của vụ án do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V quản lý theo Phiếu nhập kho ngày 28 tháng 3 năm 2024*).

[4] Về án phí: Bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/4/2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS Công an huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Thái Bình (gửi qua Công an huyện V)
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)